

Bản án số: **286** /2020/HNGĐ -ST  
Ngày: 22/6/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phi Hùng**.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Nguyễn Thị Nhiêm**.  
2/ Ông **Nguyễn Hữu Đức**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Minh Anh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thùy Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 22/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 254/2020/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/QĐST – HNGĐ ngày 15/6/2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Nguyễn Thị P, sinh năm 1981.

**Hộ khẩu thường trú:** Thôn Đ, xã N, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

**Nơi ở:** Khu 4, thôn D, xã T, huyện M, Thành phố Hà Nội.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Thành Đ, sinh năm 1978.

**Hộ khẩu thường trú và nơi ở:** Thôn Đ, xã N, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

Có mặt chị Nguyễn Thị P. Vắng mặt anh Nguyễn Thành Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 15/5/2020 cùng các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:*

Về tình cảm: Tôi kết hôn với anh Nguyễn Thành Đ trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, Thành phố Hà Nội ngày 13/9/2009. Sau khi kết hôn chúng tôi chuyển về sống tại Thôn Đ, xã N, huyện Đ, Thành phố Hà Nội là nhà của bố mẹ anh Đ. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dạy con chung, anh Đ là người rượu chè, suốt ngày say xỉn, thường xuyên hành hạ tôi về mặt tinh thần. Đến đầu năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên tôi và anh Đ đã sống ly thân. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai gia đình đã gặp hòa giải nhưng không có kết quả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Thành Đ để giải phóng cho cả hai người.

Về con chung: Tôi và anh Nguyễn Thành Đ sinh được 02 con chung là Nguyễn Trường G, sinh ngày 13/12/1997 và Nguyễn Nguyễn Việt D, sinh ngày 18/12/2000. Cả 02 con chung đã thành niên nên không xem xét việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

**Quan điểm của Bị đơn:** Biên bản ghi ý kiến của anh Nguyễn Thành Đ ngày 04/6/2020 tại Ủy ban nhân dân xã N, anh Nguyễn Thành Đ có ý kiến: Anh nhất trí với ý kiến trình bày của chị P về điều kiện và hoàn cảnh kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị Nguyễn Thị P xin ly hôn anh cũng đồng ý vì vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Về con chung: Anh Đ thừa nhận: anh và chị P có 02 con chung là: Nguyễn Trường G, sinh ngày 13/12/1997 và Nguyễn Nguyễn Việt D, sinh ngày 18/12/2000. Cả 02 con chung đã thành niên nên không xem xét việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Khi vợ chồng ly hôn các con chung ở với ai là tùy các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi lập biên bản để ghi ý kiến của anh Đ và thông qua biên bản thì anh Đ không ký vào bất kỳ văn bản tố tụng nào của Tòa án, đồng thời có đề nghị xin được vắng mặt trong tất cả các buổi là việc tại Tòa án cũng như tại phiên Tòa, do vậy mà Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

[3]. Tại biên bản ghi ý kiến của đại diện gia đình và ý kiến của đại diện chính quyền địa phương thể hiện: Vợ chồng chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Thành Đ thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2014 do anh Đ là người nghiện rượu, chị P và anh Đ đã sống ly thân từ đó cho đến nay mặc dù vẫn sống cùng một nhà, chị P thì ở tầng 3 còn anh Đ thì ở tầng 2. Từ đầu năm 2018 thì chị P đã chuyển hẳn về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại khu 4, thôn D, xã T, huyện M, Thành phố Hà Nội.

Nay Chị Nguyễn Thị P làm đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Thành Đ, thì gia đình cũng như chính quyền địa phương đều đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện và được ly hôn anh Nguyễn Thành Đ.

Đại diện Viên kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P. Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Thành Đ.

- Về con chung: chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Thành Đ có 02 con chung là: Nguyễn Nguyễn Trường G, sinh ngày 13/12/1997 và Nguyễn Nguyễn Việt D, sinh ngày 18/12/2000. Cả 02 con chung đã thành niên nên không xem xét việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Giành quyền khởi kiện về việc chia tài sản sau ly hôn bằng một vụ kiện dân sự khác khi chị Nguyễn Thị P hoặc anh Nguyễn Thành Đ có yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa . Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Thành Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình, đã đăng ký kết hôn ngày 13/9/1999 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội. Anh Nguyễn Thành Đ có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Thành Đ là hợp pháp. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ cũng như trình bày của chị Nguyễn Thị P, của anh Nguyễn Thành Đ và đại diện gia đình, cũng như đại diện chính quyền địa phương đều xác định quá trình chung sống vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Thành Đ không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ và chị P không có cùng quan điểm sống vì vậy thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh Đ là người hay rượu chè, suốt ngày say xỉn, thường xuyên hành hạ chị P về mặt tinh thần. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 mặc dù sống cùng một nhà, Đặc biệt là từ đầu năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng hơn, chính quyền địa phương và gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả. Chị Nguyễn Thị P đã bỏ về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại: Khu 4, thôn D, xã Tiên P, huyện M, Thành phố Hà Nội từ đầu năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Nguyễn Thị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Thành Đ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Thành Đ đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai và không có trách nhiệm với nhau. Như vậy đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nay chị Nguyễn Thị P đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Thành Đ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, mặt khác việc chị Nguyễn

Thị P xin ly hôn thì anh Nguyễn Thành Đ cũng đồng ý. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị P được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Thành Đ có 02 con chung là: Nguyễn Nguyễn Trường G, sinh ngày 13/12/1997 và Nguyễn Nguyễn Việt D, sinh ngày 18/12/2000. Cả 02 con chung đã thành niên nên không xem xét việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Thành Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy giành quyền khởi kiện về việc chia tài sản sau ly hôn bằng một vụ kiện dân sự khác khi chị Nguyễn Thị P hoặc anh Nguyễn Thành Đ có yêu cầu.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cùng danh mục kèm theo.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P. Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Thành Đ.

2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Thành Đ có 02 con chung là: Nguyễn Trường G, sinh ngày 13/12/1997 và Nguyễn Việt D, sinh ngày 18/12/2000. Cả 02 con chung đã thành niên nên không xem xét việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Giành quyền khởi kiện về việc chia tài sản sau ly hôn bằng một vụ kiện dân sự khác khi chị Nguyễn Thị P hoặc anh Nguyễn Thành Đ có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị

P đã nộp theo biên lai số AA/2018/0016240 ngày 01/6/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đông Anh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 22/6/2020.

- Anh Nguyễn Thành Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đông Anh;
- THA dân sự huyện Đông Anh;
- UBND xã N, huyện Đông Anh  
(Đăng ký kết hôn số 56, quyền số 1999  
ngày 13/9/1999);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nguyễn Phi Hùng***